TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ----------
Bản án số: 52/2019/DS-PT Ngày: 07/3/2019 ***V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt coc***	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Như Lâm

Các thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Ông Đỗ Minh Hoàng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 07/3/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 02/2019/TLPT - DS ngày 08/01/2019 về: ***Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.***

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn Q; sinh năm:1987.

Địa chỉ: Thôn Ngọc Long, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Khu 2, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí N; sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Khu 2, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng

3.1. Anh Nguyễn Viết P; sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu 1, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh Nguyễn Duy B; sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Khu 2, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.3. Anh Nguyễn Danh C; sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Khu 2, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.4. Bà Nguyễn Thị H1; sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Khu 1, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.5. Anh Nguyễn Danh L; sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Khu 2, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3.6. Anh Nguyễn Viết T1; sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu 1, Xóm 1, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo anh Nguyễn Chí T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải Q vụ án, nguyên đơn Hoàng Văn Q trình bày: Ngày 12/12/2017 dương lịch, anh và anh Nguyễn Chí T có ký kết hợp đồng mua bán chuối. Nội dung cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Chí T bán toàn bộ chuối trong vườn của anh T tại khu bãi Tây Đằng cho anh.

2. Với đơn giá 220.000đ/1buồng, những buồng chuối có số nải từ 07 nải trở lên.

3. Thời gian thu mua chuối từ 12/12/2017 dương lịch *(tức ngày 25/10/2017 âm lịch)* đến ngày 28/6/2018 dương lịch *(tức ngày 15/5/2018 âm lịch)*. Sau ngày 28/6/2018 nếu anh T còn chuối ở bãi thì hai bên sẽ tiếp tục giao dịch mua bán sau.

Từ ngày 25/10/2017(Âm lịch) đến ngày 15/5/2018(Âm lịch) anh và anh T đã mua bán và thanh toán với nhau xong. Sau ngày 15/5/2018 (Âm lịch) anh với anh T không giao dịch mua bán gì nữa. Khi ký kết hợp đồng mua bán chuối, anh có đặt cọc cho anh T số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, anh T đã nhận số tiền đặt cọc kể trên. Sau khi hợp đồng mua bán chuối kết thúc, anh có đến đòi anh T số tiền đã đặt cọc những anh T không trả. Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì buộc anh Nguyễn Chí T phải trả cho anh số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải Q vụ án, bị đơn Nguyễn Chí T trình bầy: Về thời gian ký kết hợp đồng, giá bán chuối, số buồng chuối đạt tiêu chuẩn, số tiền đặt cọc, anh T thừa nhận đúng như anh Q trình bầy. Anh T thừa nhận, từ ngày 12/12/2017 dương lịch (tức ngày 25/10/2017 âm lịch) đến ngày 18/5/2018 dương lịch (tức ngày 04/4/2018 âm lịch), anh Q đã mua của anh T khoảng 1.000 buồng chuối, số chuối đạt tiêu chuẩn theo hợp đồng còn lại là 1.300 buồng. Sau ngày 18/5/2018, anh T đã nhiều lần gọi anh Q đến thu mua chuối những anh Q không đến dẫn đến anh bị thiệt hại. Nay anh Q khởi kiện anh đòi số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, anh không đồng ý, nếu anh Q thanh toán số tiền chuối đối với 1.300 buồng chuối bị thiệt hại thì anh đồng ý trả số tiền đặt cọc cho anh Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã xử và Q định:

* Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Q. Buộc anh Nguyễn Chí T phải trả cho anh Hoàn Văn Q số tiền 86.140.000đ (Tám mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)

* Anh Nguyễn Chí T phải chịu 4.307.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hoàng Văn Q số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AG/2010/ 0008709 ngày 24/7/2018 của chi cục Thi hành án huyện Ba Vì.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí về lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2018, Bị đơn là anh Nguyễn Chí T làm đơn kháng cáo yêu cầu giải Q:

Yêu cầu 1: Tòa án cấp phúc thẩm thành phố Hà Nội đối chiếu những điều khoản đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng xem anh Q đã thực hiện đúng chưa.

Yêu cầu 2: Về thời gian thu mua theo hợp đồng từ ngày 25/10/2017 đến ngày 15/5/2018 (âm lịch) tương đương với ngày 12/12/2017 đến ngày 28/6/2018 (dương lịch) nhưng anh Q không thu hoạch từ ngày 16/5/2018 hiệu lực hợp đồng còn 42 ngày nữa. Điều này anh Q thực hiện không đúng.

Yêu cầu 3: Sản lượng chuối trong bãi có 2435 buồng đã thu hoạch 1088 buồng còn không thu 1347 buồng. Số liệu này tuy không ghi trong hợp đồng. Nhưng bãi chuối của anh vẫn còn nguyên khóm cho thu hoạch lứa thứ 2.

Yêu cầu 4: Cam kết chung thỏa thuận trong hợp đồng nếu bên nào đơn P chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường 50 % tổng sản lượng trong bãi.

Yêu cầu 5: Căn cứ các lỗi vi phạm của anh Q yêu cầu Tòa án áp dụng theo khoản 1 Điều 328 BLDS năm 2015 về mục xử lý tiền đặt cọc mà anh Q còn phải phạt số chuối chín bỏ đi là 513 buồng B 112.860.000 đồng và 50 % sản lượng chuối trong bãi B 267.850.000 đồng. Tổng anh Q phải chịu phạt là 381.710.000 đồng, còn biên bản xác minh chuối chín trên cây chỉ là chứng cứ để chứng minh anh Q vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay

Người đại theo theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa ngày hôm nay vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử lý số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho anh Nguyễn Chí T; ngoài ra anh Q còn phải chịu phạt số chuối chín bỏ đi là 513 buồng x 220.000 đồng/01 buồng = 112.860.000 đồng và 50 % sản lượng chuối trong bãi B 267.850.000 đồng. Tổng anh Q phải chịu phạt là 381.710.000 đồng.

Người làm chứng anh Nguyễn Danh C trình bày: khi kiểm đếm số chuối chín trong vườn nhà anh T ngày 08/6/2018 anh có chứng kiến số lượng chuối chín là 126 buồng. Người làm chứng là bà Nguyễn Thị H1 trình bày có sự việc anh Q đến nhà anh T và anh Q biết chuối trong vườn chín, nhưng anh Q có chửi bới không mua chuối nữa, còn anh Q đến ngày nào thì bà không nhớ rõ. Người làm chứng là anh Nguyễn Viết T1 trình bày anh có biết việc anh Q ký hợp đồng mua chuối của anh T tại khu vực đất bãi Tây Đằng vì bản thân anh cũng có ký hợp đồng bán chuối cho anh Q sau đó các bên không thực hiện hợp đồng anh đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải Q vụ án tại giải đoạn xét xử sơ thẩm.

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Chí T đã nộp trong hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

[2] **Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Chí T:**

Bị đơn là anh Nguyễn Chí T kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử lý số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cho anh Nguyễn Chí T; ngoài ra anh Q còn phải chịu phạt số chuối chín bỏ đi là 513 buồng x 220.000 đồng/01 buồng = 112.860.000 đồng và 50 % sản lượng chuối trong bãi B 267.850.000 đồng. Tổng anh Q phải chịu phạt là 381.710.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải Q vụ án tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình được thêm chứng cứ tài liệu gì mới cho Hội đồng xét xử; qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án các đương sự đều thừa nhận ngày 12/12/2017, tại xã Minh Châu – huyện Ba Vì – Hà Nội giữa anh Nguyễn Chí T và anh Hoàng Văn Q có ký kết hợp đồng mua bán chuối số 01/2017/HĐMB mục đích mua bán toàn chuối có trong diện tích đất của anh Nguyễn Chí T thuộc khu bãi Tây Đằng do anh Nguyễn Chí T làm chủ bãi. Các đương sự cũng thừa nhận thời gian mua chuối từ từ ngày 25/10/2017 đến ngày 15/5/2018 (âm lịch) tương đương với ngày 12/12/2017 đến ngày 28/6/2018 (dương lịch) và giá một buống chuối đủ tiêu chuẩn để mua như quy định tại mục 1 Điều II của hợp đồng là 220.000 đồng/01 buồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng các bên thực hiện không có vương mắc gì và đến ngày 08/6/2018 Hợp tác xã nông nghiệp Tây Đằng nghiệm thu số buồng chuối chín của gia đình ông T tại khu đất bãi Tây Đằng, xã Minh Châu, huyện Ba Vì, T phố Hà Nội. Hội đồng xét xử nhận thấy ông T đưa ra những chứng cứ biên bản nghiệm thu chuối chín ngày 08/6/2018, các ảnh chụp chuối chín, đơn xin xác nhận ngày 02/7/2018, bản kê chi tiết điện thoại. Tại biên bản nghiệm thu chuối chín có xác nhận của những người làm liền kề và hợp tác xã nông nghiệp Tây Đằng thì số chuối chín là 126 buồng; tại đơn xin xác nhận ngày 02/7/2018 tại phần xác nhận của Hợp tác xã nông nghiệp Tây Đằng chỉ thể hiện ông Nội có nhận hợp đồng giao khoán đất sản xuất nông nghiệp; tại bản kê chi tiết điện thoại của anh Nguyễn Chí T không có xác nhận, bản kê này thể hiện cuộc gọi cuối cùng cho anh Q ngày 09/6/2018. Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình có căn cứ để xác định trong thời gian anh Hoàng Văn Q dừng việc mua chuối (việc dừng mua chuối này của anh Q vẫn còn trong thời hạn hợp đồng mua

chuối được ký kết giữa anh Hoàng Văn Q và anh Nguyễn Chí T) trong vườn nhà anh T có 126 buồng chuối chín không có tài liệu nào chứng minh số chuối chín trong vường nhà anh T còn 387 buồng. Theo quy định tại mục 3 Điều III của hợp đồng mua bán chuối số 01/2017/HĐMB có nội dung "...Đến thời điểm chuối tới tuổi thu hoạch mà bên mua không thu gây đến chuối chín trên cây thì bên mua phải chịu hoàn toàn về số lượng chuối chín đó...'', bản thân anh Q dừng mua chuối trong thời gian hợp đồng mua bản vẫn còn không thông báo lý do cho anh Nguyễn Chí T, sau khi anh T gọi điện thoại thì anh Q cũng không đến để gặp gỡ anh T để kiểm đếm số chuối chín có đủ tiêu chuẩn để thu mua hay không như vậy việc thiệt hại 126 buồng chuối anh Hoàng Văn Q phải chịu trách nhiệm. Đối với số tiền phạt 50 % sản lượng chuối trong bãi B 267.850.000 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều VI của hợp đồng mua bán chuối số 01/2017/HĐMB, Hội đồng xét xử nhận thấy các bên đương sự đã thực hiện hợp đồng này không có vương mắc gì, không có căn cứ để xác định bên anh Hoàng Văn Q không thực hiện hoặc đơn P đình chỉ thực hiện hợp đồng cũng như không có căn cứ để xác định được cụ thể sản lượng chuối trong bãi là bao nhiêu buồng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Chí T phạt 50 % sản lượng chuối trong bãi B 267.850.000 đồng.

Tại hợp đồng mua bán chuối ngày 12/12/2017 tại mục 2 Điều II có quy định Đến khi thời điểm thu hoạch hết bãi hoặc hết thời gian thu mua thì bên bán phải trả lại ngay cho bên mua số tiền đặt cọc 100.000.000 đồng. Nên việc anh Q yêu cầu anh T trả lại số tiền đã đặt cọc là có căn cứ. Thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng đã có thiệt hại xẩy ra và anh Hoàng Văn Q là người phải chịu theo quy định trong hợp đồng mua bán. Số thiệt hại là: 126 buồng x 220.000 sđồng/buồng = 27.720.000 đồng. Như vậy cần buộc anh T phải trả cho anh Q số tiền là 100.000.000 đồng – 27.720.000 đồng = 72.280.000 đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Chí T sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Chí T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Chí T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên!

Q ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147: Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 328, 360, 419, 429, 430, 432, 433 và Điều 434 Bộ luật dân sự;
- Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì và Q định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn Q đối với anh Nguyễn Chí T.

1.2. Buộc anh Nguyễn Chí T phải trả cho anh Hoàn Văn Q số tiền 72.280.000 đồng (Bẩy mươi hai triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Chí T phải chịu 3.614.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Hoàng Văn Q số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AG/2010/0008709 lập ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì (Bút lục 15).

2.2. Án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Chí T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Chí T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AG/2010/0008922 lập ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì (Bút lục 101).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSNDTP Hà Nội;*
- *TAND huyện Ba Vì ;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Vì;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu văn phòng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Đinh Như L